TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2020/HS-ST
Ngày: 31 - 8 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hữu và Bà Nông Thị Phương Anh

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 99/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Minh T, sinh năm 2000 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Cạo mủ cao su; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Hùng D, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị L (không rõ năm sinh); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2020 cho đến nay, "bị cáo có mặt".

Người bị hại:

Ông Trần Đình C, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "ông C có mặt, bà H vắng mặt".

Người làm chứng:

Anh Phạm Hữu N (tên gọi khác: N), sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước "vắng mặt".

Anh Đào Văn D (tên gọi khác: D), sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 4, ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước "vắng mặt"

Anh Từ Trọng N, sinh năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 10, thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 21/4/2020, Lê Minh T đến chơi tại tiệm game bắn cá (không rõ tên) tại xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước tại đây T gặp Phạm Hữu N cũng đang chơi game. Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 22/4/2020, N điều khiển xe mô tô biển số: 93C1 – 142.57 chở T đi đến xã B, huyện B gặp bạn N để vay tiền nhưng không vay được tiền. Đến khoảng 03 giờ 00 phút cùng ngày N tiếp tục chở T về đến thành phố Đ, khi đi ngang qua khu vực công T đang xây dựng kho lưu trữ Tỉnh ủy Bình Phước, thuộc khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước thì N dừng xe đứng ngoài còn T đi vào bên trong lấy trộm 01 xe mô tô hiệu SYM Elegant SR, biển số: 37B1-384.44 của anh Trần Đình C là nhân viên bảo vệ của công trình. Sau khi lấy trộm được xe mô tô, T điều khiển chạy về hướng huyện P, N điều khiển mô tô cùng đi. Khi về đến huyện P, T và N đi đến nhà của anh Từ Trọng N, thuộc thôn P, xã P, huyện P. Lúc này anh N không có nhà mà chỉ có anh Dư Công H đang trông nhà cho N. T hỏi H mượn dụng cụ để tháo biển số xe thì anh H trả lời "anh làm gì thì làm", lúc này T là người trực tiếp lấy dụng cụ sau bể nước và tháo biển số xe mô tô 37E1-384.44 vừa trộm cắp được ném vào khu vực bếp. Đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày N điều khiển xe mô tô biển số: 93C1 – 142.57 đồng thời nói T điều khiển xe vừa trộm được đi theo N đến nhà Đào Văn D, thuộc ấp T, xã T, huyện Đ để cầm cố chiếc xe vừa trộm được. Tại đây N nói với D về việc muốn cầm chiếc xe mô tô biển số: 37B1-384.44 nhưng do xe không có biển số nên D không đồng ý. Lúc này có lực lượng Công an xã T, huyện Đ đi tuần tra phát hiện lập biên bản kiểm tra hành chính, đưa các đối tượng cùng tang vật về trụ sở để làm việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 72/KLĐG ngày 27/04/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố Đ kết luận: 01 xe mô tô hiệu SYM, loại Elegant SR biển số: 37E1-384.44 đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường trị giá 6.500.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM màu đỏ đen, nhãn hiệu Elegant (không có biển số); 01 biển số 37E1-384.44 đã bị bẻ cong; 01 xe mô tô biển số 93C1-142.57 nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh đen bạc và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 93C1-142.57 mang tên Điểu S; 01 điện thoại di động hiệu Goly màu đồng loại bàn phím; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh.

Ngày 05/5/2020 Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM Elegant và biển số xe 37E1-384.44 cho chủ sở hợp pháp là anh Trần Đình C và chị Nguyễn Thị H.

Tại Bản cáo trạng số 108/CT-VKS ngày 17/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Lê Minh T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Minh T mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại anh Trần Đình C và chị Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM Elegant và biển số 37E1-384.44, đồng thời không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo Lê Minh T 01 điện thoại di động hiệu Goly màu đồng loại bàn phím. Đối với 01 chiếc điện thoại Samsung, 01 xe mô tô biển số 93C1-142.57 nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh đen bạc và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 93C1-142.57 mang tên Điểu Sria cần tiếp tục giao cho Công an thành phố Đ xác minh chủ sở hữu để có căn cứ xử lý theo quy định.

Bị cáo T tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng số 108/CT-VKS ngày 17/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với biên bản bắt giữ người phạm tội, với kết luận điều tra, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Lợi dụng việc anh Trần Đình C và chị Nguyễn Thị H sơ hở trong việc quản lý tài sản nên khoảng 03 giờ 00 phút ngày 22/4/2020 Lê Minh T đã lén lút vào khu vực công T đang xây dựng của kho lưu trữ Tỉnh ủy Bình Phước, thuộc khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước nơi anh C làm bảo vệ để lấy trộm 01 xe mô tô hiệu SYM Elegant SR, biển số: 37B1-384.44.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 72/KLĐG ngày 27/04/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố Đ kết luận: 01 xe mô tô hiệu SYM, loại Elegant SR biển số: 37E1-384.44 đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường trị giá 6.500.000 đồng.

Căn cứ vào hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá 6.500.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là người đã thành niên, hoàn toàn nhận thức được việc lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản là hành vi phạm tội nhưng vì mục đích vụ lợi cá nhân mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại, là khách thể được pháp luật bảo vệ. Do đó cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Bị cáo được xem xét tình tiết giảm nhẹ hình phạt trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét trong việc lượng hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

Đối với Phạm Hữu N quá trình điều tra anh N khai nhận không biết việc bị cáo T lén lút lấy trộm xe mô tô của anh C mà chỉ chở bị cáo T đi lấy xe của bạn, đồng thời khi biết T có nhu cầu cầm xe nên dẫn T đến gặp anh D, quá trình đối chất chưa có đủ cơ sở xác định anh N đồng phạm với T, Cơ quan điều tra cần tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ nội dung này để có căn cứ xử lý theo quy định.

Đối với anh Đào Văn D không biết xe mô tô biển số 37E1-384.44 mà bị cáo T đem đến cầm cố là tài sản do phạm tội mà có, đồng thời anh D không nhận cầm cố nên không có căn cứ xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại anh Trần Đình C và chị Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM Elegant và biển số xe 37E1-384.44, đồng thời anh C và chị H không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: Cần trả lại cho bị cáo Lê Minh T 01 điện thoại di động hiệu Goly màu đồng loại bàn phím, do đây là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung; 01 xe mô tô biển số 93C1-142.57 nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh đen bạc và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 93C1-142.57 mang tên Điểu Sria thu giữ của anh Phạm Hữu N, quá trình điều tra chưa xác minh được chủ sở hữu nên Công an thành phố Đ cần tiếp tục điều tra, xác minh để có căn cứ xử lý theo quy định.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Minh T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 22/4/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Do các bên không ai yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Lê Minh T 01 điện thoại di động hiệu Goly màu đồng, đã cũ, không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 000 1826, quyển số 0037, ký hiệu D47/2017 ngày 21/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đ).

Công an thành phố Đ tiếp tục điều tra xác minh chủ sở hữu đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung; 01 xe mô tô biển số 93C1-142.57 nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh đen bạc và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 93C1-142.57 mang tên Điểu S để có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo T phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

<u>Nơi nhận</u>:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND Thành phố Đ;*
- *VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS Thành phố Đ;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.*
- *CA Thành phố Đ;*
- *Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HS-VP*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Văn An